

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 02/2007/NQ-HĐTP

Hà Nội, ngày 02 tháng 10 năm 2007

## NGHỊ QUYẾT

**hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ năm  
“Thi hành bản án và quyết định của Tòa án” của Bộ luật tố tụng hình sự**

HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO

*Căn cứ vào Luật tổ chức Tòa án nhân dân;*

*Để áp dụng đúng và thống nhất Phần thứ năm “Thi hành bản án và quyết định của Tòa án” của Bộ luật tố tụng hình sự (sau đây viết tắt là BLTTHS);*

*Sau khi có ý kiến thống nhất của Viện kiểm sát nhân dân tối cao và Bộ Tư pháp,*

### QUYẾT NGHỊ:

#### I. VỀ CHƯƠNG XXV - NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG VỀ THI HÀNH BẢN ÁN VÀ QUYẾT ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

##### 1. Về Điều 255 của BLTTHS

1.1. Về điểm a khoản 1 Điều 255 của BLTTHS

Bản án, quyết định và những phần của bản án, quyết định sơ thẩm của Tòa án không bị kháng cáo, kháng nghị thì có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, tức là kể từ ngày tiếp theo sau thời điểm kết thúc thời hạn kháng cáo, kháng nghị. Thời điểm kết thúc thời hạn kháng cáo, kháng nghị được hướng dẫn tại tiểu mục 4.1 mục 4 Phần I Nghị quyết số 05/2005/NQ-HĐTP ngày 08-12-2005 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao hướng dẫn thi hành một số quy định trong Phần thứ tư “Xét xử phúc thẩm” của BLTTHS.

##### 1.2. Về khoản 2 Điều 255 của BLTTHS

a) Bản án hoặc quyết định của Tòa án cấp sơ thẩm về một trong các trường hợp quy định tại khoản 2 Điều 255 của BLTTHS được thi hành ngay, mặc dù vẫn có thể bị kháng cáo, kháng nghị. Thủ

tục thi hành bản án, quyết định sơ thẩm trong từng trường hợp cụ thể được thực hiện như sau:

a.1) Trường hợp Thẩm phán ra Quyết định đình chỉ vụ án trong thời hạn chuẩn bị xét xử theo quy định tại các điều 39, 176 và 180 của BLTTHS, thì tại điểm 2 Quyết định đình chỉ vụ án (mẫu số 04c ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) cần ghi: “Trả tự do ngay cho bị can (bị cáo)..., nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác”.

a.2) Trường hợp Hội đồng xét xử sơ thẩm ra Quyết định đình chỉ xét xử vụ án theo quy định tại Điều 199 của BLTTHS, thì tại điểm 2 Quyết định đình chỉ vụ án (mẫu số 05c ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao) cần ghi: “Trả tự do ngay cho bị cáo..., nếu họ không bị tạm giam về một tội phạm khác”.

a.3) Trường hợp Hội đồng xét xử sơ thẩm ra bản án sơ thẩm theo quy định tại Điều 199 và Điều 227 của BLTTHS, thì Hội đồng xét xử phải ra Quyết định trả tự do cho bị cáo (mẫu số 05đ ban hành kèm theo Nghị quyết số 04/2004/NQ-HĐTP ngày 05/11/2004 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao).

b) Đối với bị cáo bị phạt tù nhưng được hưởng án treo và khi bản án đã có hiệu lực pháp luật mà thời gian thử thách vẫn còn, thì Tòa án phải ra quyết định thi hành án. Việc thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo được thực hiện theo Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ “Quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo”.

## 2. Về Điều 256 của BLTTHS

### 2.1. Về khoản 1 Điều 256 của BLTTHS

a) “Trong thời hạn bảy ngày” có nghĩa bao gồm cả ngày làm việc và ngày nghỉ. Trường hợp ngày cuối cùng là ngày nghỉ cuối tuần hoặc ngày nghỉ lễ thì ngày làm việc tiếp theo của ngày đó là thời hạn cuối cùng của thời hạn bảy ngày.

b) “Tòa án khác cùng cấp” bao gồm Tòa án cùng cấp huyện (Tòa án nhân dân huyện, quận, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; Tòa án quân sự khu vực) hoặc Tòa án cùng cấp tỉnh (Tòa án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương; Tòa án quân sự quân khu và tương đương). Đối với Tòa án cấp huyện thì không phân biệt là Tòa án cùng cấp huyện đó đã được tăng thẩm quyền theo Nghị quyết của Ủy ban thường vụ Quốc hội hay chưa.

c) Việc ủy thác cho Tòa án khác cùng cấp ra quyết định thi hành án chỉ được thực hiện khi thuộc một trong những trường hợp sau đây:

c.1) Sau khi Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án ra quyết định thi hành án và đã gửi cho cơ quan Công an cùng cấp để thi hành, nhưng cơ quan Công an cùng cấp thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết là người bị kết án đã chuyển đi nơi khác và có địa chỉ cụ thể;

c.2) Tòa án đã xét xử sơ thẩm vụ án có căn cứ về việc người bị kết án đang cư trú trên địa bàn hành chính khác.

d) Trường hợp Tòa án được ủy thác đã ra quyết định thi hành án và được cơ quan Công an thông báo là người bị kết án đã chuyển đi cư trú tại địa bàn hành chính khác thì trả lại hồ sơ ủy thác thi hành án cho Tòa án đã ủy thác và giải quyết như sau:

d.1) Trường hợp Tòa án được ủy thác biết được địa chỉ của người bị kết án ở địa bàn hành chính khác thì thông báo cho Tòa án đã ủy thác để Tòa án đã ủy thác thực hiện việc ủy thác cho Tòa án nơi người bị kết án đang cư trú;

d.2) Trường hợp Tòa án được ủy thác không biết địa chỉ của người bị kết án thì thông báo bằng văn bản cho Tòa án đã ủy thác biết để Tòa án đã ủy thác thực hiện việc ra quyết định thi hành án và yêu cầu cơ quan Công an ra quyết định truy nã người bị kết án như trường hợp được hướng dẫn tại điểm a tiểu mục 2.2 mục 2 Phần I này.

đ) Trường hợp Tòa án được ủy thác thi hành án thấy việc ủy thác là không đúng thì phải thông báo bằng văn bản và nêu rõ lý do cho Tòa án đã ủy thác biết. Tòa án đã ủy thác phải kiểm tra lại việc ủy thác; nếu việc từ chối ủy thác là có căn cứ thì Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm phải ra quyết định hủy quyết định ủy thác không có căn cứ trước khi ra quyết định thi hành án hoặc ủy thác cho Tòa án khác ra quyết định thi hành án. Nếu việc từ chối ủy thác là không có căn cứ thì Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm yêu cầu Tòa án được ủy thác ra quyết định thi hành án. Trường hợp có tranh chấp giữa Tòa án ủy thác và Tòa án được ủy thác thi hành án cùng cấp huyện trong cùng một tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương thì Chánh án Tòa án cấp tỉnh quyết định. Trường hợp có tranh chấp giữa Tòa án ủy thác và Tòa án được ủy thác thi hành án cùng cấp huyện nhưng khác tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương hoặc cùng cấp tỉnh thì Chánh án Tòa án nhân dân tối cao quyết định.

e) Chánh án Tòa án được ủy thác phải ra quyết định thi hành án trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được quyết định ủy thác thi hành án.

## 2.2. Về khoản 4 Điều 256 của BLTTHS

a) Trường hợp người bị kết án phạt tù đang tại ngoại bỏ trốn thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải có

093403  
Tel: +84-8-3845 6684 \* www.TieuYenPhapLuat.com

văn bản yêu cầu cơ quan Công an cùng cấp ra quyết định truy nã và thông báo cho Tòa án biết. Hết thời hạn một tháng, kể từ ngày Tòa án gửi văn bản yêu cầu mà cơ quan Công an chưa ra quyết định truy nã thì Chánh án Tòa án phải yêu cầu cơ quan Công an ra quyết định truy nã theo quy định tại Điều 161 của BLTTHS và thông báo bằng văn bản cho Tòa án biết để làm căn cứ tính thời hiệu thi hành bản án.

b) Trường hợp bị cáo bỏ trốn, cơ quan Công an đã ra quyết định truy nã nhưng không có kết quả và Tòa án đã xét xử vắng mặt bị cáo theo đúng quy định của BLTTHS thì khi bản án có hiệu lực pháp luật, Chánh án Tòa án đã xét xử sơ thẩm ra quyết định thi hành án và gửi cho cơ quan Công an cùng cấp (hoặc cơ quan thi hành án của Quân đội cùng cấp trong trường hợp người bị kết án phạt tù là quân nhân) kèm theo bản sao bản án, quyết định đã có hiệu lực pháp luật mà không phải yêu cầu cơ quan Công an ra quyết định truy nã mới.

## II. VỀ CHƯƠNG XXVI - THI HÀNH HÌNH PHẠT TỬ HÌNH

### 1. Về Điều 258 của BLTTHS

#### 1.1. Về khoản 1 Điều 258 của BLTTHS

a) Sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà Tòa án đã xét xử sơ thẩm

không nhận được kháng cáo, kháng nghị và sau khi hết thời hạn bảy ngày tiếp theo, kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị mà vẫn không nhận được đơn xin ân giảm hình phạt tử hình của người bị kết án tử hình, thì Tòa án đã xét xử sơ thẩm phối hợp với Trại tạm giam (Trại giam) nơi đang giam giữ người bị kết án tử hình xác minh về việc người bị kết án tử hình có làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo hay không hoặc người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình hay không. Việc xác minh phải được lập biên bản ghi đầy đủ, cụ thể nội dung yêu cầu của họ (kháng cáo xin giảm hình phạt, kêu oan hay chỉ xin ân giảm hình phạt tử hình) hoặc ghi rõ việc không kháng cáo và cũng không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Biên bản phải có chữ ký của cán bộ Tòa án, cán bộ Trại tạm giam (Trại giam), chữ ký (hoặc điểm chỉ) của người bị kết án tử hình, người làm chứng, người phiên dịch (nếu có). Biên bản phải có xác nhận của Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam) và đóng dấu của Trại tạm giam (Trại giam). Trường hợp người bị kết án tử hình không chịu ký tên (hoặc điểm chỉ) thì phải ghi cụ thể lý do.

b) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình có làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo,

nhưng bị thất lạc, thì trong biên bản xác minh cần ghi tóm tắt nội dung kháng cáo của họ và cho họ viết lại đơn kháng cáo. Biên bản xác minh cùng hồ sơ vụ án phải được gửi ngay cho Tòa án cấp phúc thẩm để xét xử phúc thẩm theo thủ tục chung.

c) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo, nhưng khi xác minh người bị kết án tử hình muốn làm đơn kháng cáo, thì cho họ làm đơn kháng cáo và yêu cầu họ nêu rõ lý do của việc kháng cáo quá hạn. Biên bản xác minh và đơn kháng cáo quá hạn phải được gửi ngay cùng hồ sơ vụ án cho Tòa án cấp phúc thẩm để xem xét việc chấp nhận hay không chấp nhận đơn kháng cáo quá hạn theo quy định tại Điều 235 của BLTTHS.

d) Trường hợp kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo mà có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình đúng thời hạn luật định, nhưng bị thất lạc, thì trong biên bản xác minh cần ghi tóm tắt nội dung đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và cho họ viết lại đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Biên bản xác minh cùng hồ sơ vụ án (nếu hồ sơ vụ án chưa gửi) phải được gửi ngay lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao).

đ) Trường hợp kết quả xác minh cho

thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo và cũng không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình trong thời hạn luật định, nhưng khi xác minh, người bị kết án tử hình muốn làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình, thì cần giải thích cho họ biết quy định của pháp luật về thời hạn làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình. Sau đó cho họ làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và yêu cầu họ nêu rõ lý do của việc muốn làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình quá thời hạn luật định. Biên bản xác minh cùng hồ sơ vụ án (nếu hồ sơ vụ án chưa gửi) phải được gửi ngay lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao).

e) Trường hợp trong vụ án có nhiều bị cáo mà sau khi hết thời hạn kháng cáo, kháng nghị, người bị kết án tử hình không kháng cáo và không bị kháng cáo, kháng nghị, nhưng có bị cáo khác kháng cáo hoặc bị kháng cáo, kháng nghị, thì hồ sơ vụ án, kháng cáo, kháng nghị và các tài liệu kèm theo (nếu có) phải được gửi cho Tòa án cấp phúc thẩm trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày hết hạn kháng cáo, kháng nghị hoặc kể từ ngày lập biên bản xác minh để xét xử phúc thẩm vụ án theo thủ tục chung.

g) Trường hợp sau khi xét xử phúc thẩm mà trong vụ án có bị cáo bị kết án tử hình (Tòa án cấp sơ thẩm kết

án tử hình, nhưng không có kháng cáo, kháng nghị; Tòa án cấp sơ thẩm kết án tử hình và có kháng cáo, kháng nghị, nhưng Tòa án cấp phúc thẩm giữ nguyên; Tòa án cấp sơ thẩm không kết án tử hình, có kháng cáo, kháng nghị và Tòa án cấp phúc thẩm kết án tử hình) thì trong thời hạn không quá hai mươi lăm ngày, kể từ ngày kết thúc phiên tòa phúc thẩm, Tòa án cấp phúc thẩm phải gửi hồ sơ vụ án lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao).

h) Trường hợp bản án tử hình bị kháng nghị theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm mà Hội đồng giám đốc thẩm, Hội đồng tái thẩm Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình thì Tòa Hình sự Tòa án nhân dân tối cao gửi ngay quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm cho người bị kết án tử hình [thông qua Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam)] để họ làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình trong thời hạn bảy ngày, kể từ ngày nhận được quyết định giám đốc thẩm, quyết định tái thẩm.

i) Trong các trường hợp được hướng dẫn tại điểm e và điểm g tiểu mục 1.1 mục 1 Phần II này, nếu hết thời hạn bảy ngày, kể từ ngày kết thúc phiên tòa phúc thẩm hoặc kể từ ngày Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam) giao quyết định giám

đốc thẩm, quyết định tái thẩm cho người bị kết án tử hình mà Tòa án nhân dân tối cao vẫn không nhận được đơn xin ân giảm hình phạt tử hình của người bị kết án thì Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao đề nghị (thông qua điện thoại hoặc bằng văn bản) Tòa án cấp sơ thẩm phối hợp với Trại tạm giam (Trại giam) nơi đang giam giữ người bị kết án tử hình xác minh về việc người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình hay không theo hướng dẫn tại điểm a, điểm d và điểm đ tiểu mục 1.1 mục 1 Phần II này.

Trường hợp người bị kết án tử hình chỉ làm đơn có nội dung kêu oan thì đơn cùng hồ sơ vụ án (nếu hồ sơ vụ án chưa gửi) phải được gửi ngay lên Chánh án Tòa án nhân dân tối cao (thông qua Ban Thư ký Tòa án nhân dân tối cao).

## 1.2. Về khoản 2 Điều 258 của BLTTHS

Bản án tử hình được thi hành khi thuộc một trong các trường hợp sau đây:

a) Người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao.

b) Người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa

án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định không kháng nghị của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao, quyết định không kháng nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao và bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình (do Tòa án nhân dân tối cao gửi đến).

c) Người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc quyết định tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình.

d) Người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm hình phạt tử hình và Tòa án xử sơ thẩm đã nhận được quyết định giám đốc thẩm hoặc quyết định tái thẩm của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình và bản sao quyết định của Chủ tịch nước bác đơn xin ân giảm hình phạt tử hình (do Tòa án nhân dân tối cao gửi đến).

Việc thi hành hình phạt tử hình phải được thực hiện theo đúng “Quy trình thi hành án tử hình” ban hành kèm theo Quyết định số: 810/2006/QĐ-BCA-C11 ngày 04/7/2006 của Bộ trưởng Bộ Công an.

## 2. Về Điều 259 của BLTTHS

### 2.1. Về khoản 1 Điều 259 của BLTTHS

a) Trường hợp một người bị kết án tử hình mà lại bị xét xử về một tội phạm mới tại một Tòa án khác (tội phạm mới có thể được thực hiện trước hoặc sau khi bị kết án tử hình), nhưng bị xử phạt với mức hình phạt không phải là tử hình (dù tổng hợp hình phạt chung cho các bản án là tử hình) thì Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm về tội phạm mà họ bị kết án tử hình ra quyết định thi hành án và thành lập Hội đồng thi hành hình phạt tử hình.

b) Trường hợp một người bị kết án tử hình nhiều lần theo nhiều bản án của các Tòa án đã xử sơ thẩm khác nhau thì Chánh án Tòa án đã xử sơ thẩm vụ án sau cùng ra quyết định thi hành án và thành lập Hội đồng thi hành hình phạt tử hình.

### 2.2. Về khoản 5 Điều 259 của BLTTHS

“Tình tiết đặc biệt” là những thông tin, tình tiết do người bị kết án tử hình hoặc người khác khai báo hoặc do Hội đồng thi hành án biết được từ những nguồn tin khác, mà xét thấy những thông tin, tình tiết này là có căn cứ và có thể làm thay đổi cơ bản nội dung vụ án, để khởi tố vụ án mới, người phạm tội mới (ví dụ: người bị kết án tử hình khai ra những tình tiết mới của vụ án, khai ra người phạm tội mới...) và nếu thi hành hình phạt tử hình đối với người bị kết án thì có thể gây khó khăn lớn cho việc giải quyết vụ án, việc mở rộng điều tra vụ án...

### III. VỀ CHƯƠNG XXVII - THI HÀNH HÌNH PHẠT TÙ VÀ CÁC HÌNH PHẠT KHÁC

#### 1. Về Điều 261 của BLTTHS

1.1. Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án xem xét, quyết định cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù khi có đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát, cơ quan Công an cùng cấp hoặc người bị kết án.

1.2. Trường hợp không có đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát, cơ quan Công an cùng cấp hoặc người bị kết án, thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án chỉ tự mình xem xét, quyết định cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù trong trường hợp người thân thích của người bị kết án (cha, mẹ, vợ, chồng, anh, chị, em... của người bị kết án) hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú đề nghị bằng văn bản cho người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù.

1.3. Cơ quan, tổ chức, cá nhân nào đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù, thì cơ quan, tổ chức, cá nhân đó có trách nhiệm lập hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù bao gồm:

a) Bản sao bản án hoặc bản sao trích lục bản án hình sự;

b) Văn bản đề nghị của Viện kiểm sát (trường hợp Viện kiểm sát đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù);

c) Văn bản đề nghị của cơ quan Công an (trường hợp cơ quan Công an đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù);

d) Đơn xin hoãn chấp hành hình phạt tù của người bị kết án (trường hợp người bị kết án xin hoãn chấp hành hình phạt tù);

đ) Đơn của người thân thích của người bị kết án hoặc văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc, của chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú (trường hợp không có đề nghị của Viện kiểm sát, cơ quan Công an và người bị kết án);

e) Kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên về tình trạng bệnh tật của người bị kết án. Đối với người bị nhiễm HIV chuyên giai đoạn AIDS thì chỉ cần kết quả xét nghiệm bị nhiễm HIV theo quy định của Bộ Y tế và trong hồ sơ bệnh án phải xác định rõ là đang có các nhiễm trùng cơ hội và có tiên lượng xấu (trường hợp đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù vì lý do người bị kết án bị bệnh nặng);

g) Kết luận của bệnh viện cấp huyện trở lên về việc người bị kết án phạt tù là phụ nữ có thai hoặc bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh của con người bị kết án và xác nhận của chính quyền địa



phương nơi người bị kết án thường trú về việc họ đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi (trường hợp đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù vì lý do người bị kết án là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi);

h) Xác nhận của chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú về việc người bị kết án là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình họ sẽ gặp khó khăn đặc biệt (trường hợp đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù vì lý do người bị kết án là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu bắt họ đi chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt);

i) Văn bản của cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc hoặc chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú xác nhận cần sự có mặt của người bị kết án do nhu cầu công vụ (trường hợp đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù do nhu cầu công vụ).

1.4. Hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù phải được gửi cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án.

1.5. Xem xét, quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù

a) Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án chỉ xem xét, quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù khi có đầy đủ các tài liệu được hướng dẫn tại tiêu mục 1.3

mục 1 Phần III này đối với từng trường hợp cụ thể. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ, Chánh án Tòa án căn cứ vào các điều kiện hoãn chấp hành hình phạt tù theo quy định tại khoản 1 Điều 61 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại mục 7 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt” để quyết định cho hoặc không cho người bị kết án hoãn chấp hành hình phạt tù. Nếu có tài liệu nào chưa đủ thì Chánh án Tòa án yêu cầu cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù bổ sung hoặc làm rõ thêm. Thời hạn năm ngày làm việc để xem xét, quyết định cho hoặc không cho người bị kết án hoãn chấp hành hình phạt tù được tính lại, kể từ ngày Chánh án Tòa án nhận được tài liệu bổ sung hoặc ý kiến bằng văn bản về vấn đề cần được làm rõ thêm.

b) Trường hợp không chấp nhận đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho cơ quan, tổ chức, cá nhân đề nghị biết, trong đó nêu rõ lý do về việc không chấp nhận cho người bị kết án hoãn chấp hành hình phạt tù.

c) Trường hợp chấp nhận đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù.

d) Khi Viện kiểm sát có kháng nghị đối với văn bản thông báo không chấp nhận đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù vì lý do không xác đáng hoặc kháng nghị đối với quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù vì không có đầy đủ căn cứ, thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải xem xét kháng nghị của Viện kiểm sát. Nếu kháng nghị có căn cứ thì Chánh án Tòa án phải ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc hủy bỏ quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù.

1.6. Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù được gửi cho người được hoãn chấp hành hình phạt tù; Viện kiểm sát cùng cấp; Cơ quan Công an cùng cấp (hoặc cơ quan thi hành án của Quân đội cùng cấp); chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án cư trú hoặc làm việc để quản lý người được hoãn chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 263 của BLTTHS và hướng dẫn tại mục 3 Phần III này.

## 2. Về Điều 262 của BLTTHS

2.1. Việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người đang chấp hành hình phạt tù bị bệnh nặng (thẩm quyền quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình

phạt tù; điều kiện để có thể được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; thủ tục lập và thẩm định hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; gửi thông báo quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù) được thực hiện theo Thông tư liên tịch số 02/2006/TTLT-BCA-BQP-BYT-TANDTC-VKSNDTC ngày 18/5/2006 của Bộ Công an, Bộ Quốc phòng, Bộ Y tế, Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao “hướng dẫn thi hành một số quy định của pháp luật về tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người đang chấp hành hình phạt tù bị bệnh nặng”

2.2. Việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù đối với người đang chấp hành hình phạt tù thuộc một trong các trường hợp quy định tại các điểm b, c và d khoản 1 Điều 61 và Điều 62 của Bộ luật hình sự (phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi; là người lao động duy nhất nếu phải chấp hành hình phạt tù thì gia đình sẽ gặp khó khăn đặc biệt; do nhu cầu công vụ) được thực hiện như sau:

a) Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án xem xét, quyết định cho người đang chấp hành hình phạt tù được

tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù khi có đề nghị bằng văn bản của Viện kiểm sát cùng cấp hoặc của Ban giám thị Trại giam, Trại tạm giam nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù.

b) Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Ban giám thị Trại giam, Trại tạm giam đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù có trách nhiệm lập hồ sơ bao gồm:

b.1) Bản sao bản án hoặc bản sao trích lục bản án hình sự;

b.2) Văn bản đề nghị của Viện kiểm sát (trường hợp Viện kiểm sát đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù);

b.3) Văn bản đề nghị của Ban giám thị Trại giam, Trại tạm giam nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù (trường hợp Ban giám thị Trại giam, Trại tạm giam đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù);

b.4) Kết luận của bệnh viện cấp huyện trở lên về việc người bị kết án phạt tù là phụ nữ có thai hoặc bản sao giấy khai sinh hoặc giấy chứng sinh của con người bị kết án và xác nhận của chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú về việc họ đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi (trường hợp đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù vì lý do người đang chấp hành hình phạt tù là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi);

b.5) Xác nhận của chính quyền địa phương nơi người bị kết án thường trú về việc người bị kết án là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu bắt họ phải tiếp tục chấp hành hình phạt tù, thì gia đình họ sẽ gặp khó khăn đặc biệt (trường hợp đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù vì lý do người đang chấp hành hình phạt tù là người lao động duy nhất trong gia đình, nếu bắt họ phải tiếp tục chấp hành hình phạt tù thì gia đình họ sẽ gặp khó khăn đặc biệt);

b.6) Văn bản của cơ quan, tổ chức nơi người bị kết án làm việc đề nghị cho người bị kết án được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù do nhu cầu công vụ (trường hợp đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù do nhu cầu công vụ).

c) Hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù phải được gửi cho Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án.

d) Xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

d.1) Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án chỉ xem xét, quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù khi có đầy đủ các tài liệu được hướng dẫn tại điểm b tiêu mục 2.2 mục 2 Phần III này đối với từng trường hợp cụ thể. Trong thời hạn năm ngày làm việc, kể từ ngày

nhận được hồ sơ, Chánh án Tòa án căn cứ vào các điều kiện tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù quy định tại điểm b khoản 1 Điều 262 của BLTTHS, Điều 62 của Bộ luật hình sự và hướng dẫn tại mục 8 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao “hướng dẫn áp dụng một số quy định của Bộ luật hình sự về thời hiệu thi hành bản án, miễn chấp hành hình phạt, giảm thời hạn chấp hành hình phạt” để xem xét, quyết định cho hoặc không cho người bị kết án được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Nếu có tài liệu nào chưa đủ thì Chánh án Tòa án yêu cầu Viện kiểm sát hoặc Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam) bổ sung hoặc làm rõ thêm. Thời hạn năm ngày làm việc để xem xét, quyết định cho hoặc không cho người bị kết án được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được tính lại, kể từ ngày Chánh án Tòa án nhận được tài liệu bổ sung hoặc ý kiến bằng văn bản về vấn đề cần được làm rõ thêm.

d.2) Trường hợp không chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát hoặc Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam) biết, trong đó nêu rõ lý do về việc không chấp nhận cho

người bị kết án tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

d.3) Trường hợp chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù, thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

d.4) Khi Viện kiểm sát có kháng nghị đối với văn bản thông báo không chấp nhận đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù vì lý do không xác đáng hoặc kháng nghị đối với quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù vì không có đầy đủ căn cứ, thì Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án phải xem xét; nếu kháng nghị có căn cứ thì Chánh án Tòa án phải ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù hoặc hủy bỏ quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

đ) Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù được gửi cho người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; Trại giam (Trại tạm giam) nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù; Viện kiểm sát cùng cấp; chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thường trú hoặc làm việc để quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù theo quy định tại Điều 263 của BLTTHS và hướng dẫn tại mục 3 Phần III này.

2.3. Việc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm hoặc tái thẩm do người đã kháng nghị hoặc do Hội đồng giám đốc thẩm hoặc tái thẩm quyết định. Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để xét xử theo thủ tục giám đốc thẩm, tái thẩm được gửi cho người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; Trại giam (Trại tạm giam) nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù; Tòa án đã ra quyết định thi hành án.

### 3. Về Điều 263 của BLTTHS

3.1. Tòa án đã ra quyết định cho hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cần chủ động yêu cầu Trại giam (Trại tạm giam) hoặc cơ quan Công an cùng cấp phối hợp trong việc giao người được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cho chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi họ thường trú hoặc làm việc quản lý.

3.2. Chánh án Tòa án nơi người được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù cư trú hoặc làm việc có trách nhiệm phối hợp với chính quyền xã, phường, thị trấn hoặc cơ quan, tổ chức nơi người đó cư trú hoặc làm việc theo dõi việc chấp hành quyết định hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù. Nếu trong thời gian được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù mà người được hoãn hoặc tạm đình chỉ

chấp hành hình phạt tù có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng hoặc có căn cứ cho rằng người đó sẽ bỏ trốn thì Chánh án Tòa án nơi người được hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù thường trú hoặc làm việc phải thông báo ngay cho Chánh án Tòa án đã cho hoãn hoặc tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù để hủy bỏ quyết định đó và ra ngay quyết định thi hành án để bắt họ đi chấp hành hình phạt tù.

## IV. VỀ CHƯƠNG XXVIII - GIẢM THỜI HẠN HOẶC MIỄN CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT (ĐIỀU 269 CỦA BLTTHS)

1. Hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ, miễn chấp hành toàn bộ hoặc hình phạt tù còn lại bao gồm:

a) Bản sao bản án hoặc bản sao trích lục bản án hình sự;

b) Văn bản đề nghị của Viện kiểm sát;

c) Đơn xin miễn chấp hành hình phạt của người bị kết án;

d) Bản tường trình của người phải thi hành án về việc đã lập công hoặc lập công lớn có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (nếu người phải thi hành án đã lập công hoặc lập công lớn); kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên về

tình trạng bệnh tật của người bị kết án (nếu người phải thi hành án bị mắc bệnh hiểm nghèo).

2. Hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Bản sao bản án hoặc bản sao trích lục bản án hình sự;

b) Văn bản đề nghị của cơ quan thi hành hình phạt tù;

c) Đơn xin giảm thời hạn chấp hành hình phạt của người bị kết án;

d) Bản tường trình của người phải thi hành án về việc đã lập công hoặc lập công lớn có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (nếu người phải thi hành án đã lập công hoặc lập công lớn); kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên về tình trạng bệnh tật của người bị kết án (nếu người phải thi hành án bị mắc bệnh hiểm nghèo).

3. Hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt cải tạo không giam giữ bao gồm các tài liệu sau đây:

a) Bản sao bản án hoặc bản sao trích lục bản án hình sự;

b) Văn bản đề nghị của cơ quan, tổ chức hoặc chính quyền địa phương được giao nhiệm vụ trực tiếp giám sát, giáo dục người bị kết án;

c) Đơn xin giảm thời hạn chấp hành hình phạt của người bị kết án;

d) Bản tường trình của người phải thi hành án về việc đã lập công hoặc lập công lớn có xác nhận của cơ quan có thẩm quyền (nếu người phải thi hành án đã lập công hoặc lập công lớn); kết luận của bệnh viện cấp tỉnh trở lên về tình trạng bệnh tật của người bị kết án (nếu người phải thi hành án bị mắc bệnh hiểm nghèo).

4. Hồ sơ đề nghị miễn, giảm thi hành án phạt tiền được lập theo hướng dẫn tại Phần II Thông tư liên tịch số 02/2005/TTLT-TANDTC-VKSNDTC-BTP-BCA-BTC ngày 17/6/2005 của Tòa án nhân dân tối cao, Viện kiểm sát nhân dân tối cao, Bộ Tư pháp, Bộ Công an, Bộ Tài chính “hướng dẫn việc miễn, giảm thi hành án đối với khoản tiền phạt, an phí”.

5. Hồ sơ đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo được lập theo quy định tại khoản 2 Điều 7 Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 “Quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo”.

6. Trong thời hạn ba ngày làm việc, kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị miễn, giảm chấp hành hình phạt, rút ngắn thời gian thử thách của án treo, Chánh án Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 269 của BLTTHS phải phân công một Thẩm phán phụ trách việc nghiên cứu hồ sơ đề nghị miễn, giảm. Trong thời

hạn mười ngày làm việc, kể từ ngày thụ lý hồ sơ, Thẩm phán phải ấn định ngày mở phiên họp xét miễn, giảm và thông báo bằng văn bản cho Viện kiểm sát biết để cử Kiểm sát viên tham gia phiên họp. Thời hạn mở phiên họp không được vượt quá mười ngày làm việc, kể từ ngày Thẩm phán ấn định ngày mở phiên họp. Trường hợp có tài liệu nào chưa đủ thì Thẩm phán yêu cầu cơ quan, tổ chức đề nghị bổ sung hoặc làm rõ thêm. Thời hạn mười ngày để xem xét hồ sơ đề nghị miễn, giảm chấp hành hình phạt, rút ngắn thời gian thử thách của án treo để ấn định ngày mở phiên họp được tính lại kể từ ngày Tòa án nhận được tài liệu bổ sung hoặc ý kiến bằng văn bản về vấn đề cần được làm rõ thêm.

7. Tòa án có thẩm quyền quy định tại Điều 269 của BLTTHS xem xét đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù, cải tạo không giam giữ, rút ngắn thời gian thử thách của án treo bằng Hội đồng gồm ba Thẩm phán hoặc hai Thẩm phán và một Hội thẩm (đối với Tòa án cấp huyện không có đủ ba Thẩm phán), có sự tham gia của Kiểm sát viên Viện kiểm sát cùng cấp.

8. Hội đồng có thể họp tại trụ sở Tòa án hoặc tại Trại giam (Trại tạm giam) nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù.

9. Việc xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt, rút ngắn thời gian thử thách của án treo được tiến hành như sau:

- Một thành viên của Hội đồng trình bày hồ sơ đề nghị xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo cho người bị kết án;

- Đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến;

- Hội đồng xét miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo thảo luận và quyết định.

10. Trên cơ sở xem xét hồ sơ và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát, Hội đồng xét miễn, giảm có quyền:

a) Chấp nhận toàn bộ đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo;

b) Chấp nhận một phần đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo;

c) Không chấp nhận đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo.

11. Hội đồng ra quyết định về việc miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo với các nội dung sau:

a) Ngày... tháng... năm... ra quyết định;  
b) Tên Tòa án ra quyết định;  
c) Thành phần của Hội đồng xét miễn, giảm hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo, Kiểm sát viên;

d) Họ tên, nơi đang chấp hành hình phạt của người được đề nghị xét miễn, giảm hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo;

đ) Nhận định của Tòa án và những căn cứ để chấp nhận đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo;

e) Quyết định của Tòa án về việc chấp nhận toàn bộ, chấp nhận một phần hoặc không chấp nhận đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo. Trường hợp Tòa án quyết định không chấp nhận, thì phải nêu rõ lý do.

12. Quyết định về việc miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo được gửi cho cơ quan đề nghị việc miễn, giảm hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo; Viện kiểm sát cùng cấp; Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp; người được đề nghị miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo; cơ quan thi hành án.

13. Quyết định của Tòa án về việc miễn, giảm thời hạn chấp hành hình

phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo có thể bị Viện kiểm sát cùng cấp hoặc Viện kiểm sát cấp trên trực tiếp kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm. Thời hạn kháng nghị của Viện kiểm sát cùng cấp là bảy ngày, của Viện kiểm sát cấp trên là mười lăm ngày, kể từ ngày Tòa án ra quyết định.

14. Việc phúc thẩm quyết định của Tòa án về miễn, giảm thời hạn chấp hành hình phạt hoặc rút ngắn thời gian thử thách của án treo được thực hiện theo quy định tại Điều 253 của BLTTHS.

## V. CÁC MẪU VĂN BẢN BAN HÀNH KÈM THEO NGHỊ QUYẾT

1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này các mẫu văn bản tổ tụng sau đây:

1.1. Quyết định thi hành án hình phạt tù hình (mẫu số 1a)

1.2. Biên bản hoãn thi hành án hình phạt tù hình (mẫu số 1b)

1.3. Biên bản xác minh về việc làm đơn kháng cáo, xin ân giảm án tù hình của người bị kết án tù hình (mẫu số 1c)

1.4. Quyết định thi hành án hình phạt tù chung thân (mẫu số 2)

1.5. Quyết định thi hành án hình phạt tù (đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam) (mẫu số 3a)



1.6. Quyết định thi hành án hình phạt tù (đối với người bị xử phạt tù đang được tại ngoại) (mẫu số 3b)

1.7. Quyết định thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo (mẫu số 3c)

1.8. Quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù (mẫu số 3d)

1.9. Quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (mẫu số 3đ)

1.10. Quyết định thi hành án hình phạt tù (đối với người bị xử phạt tù được hoãn, tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù vi phạm pháp luật) (mẫu số 3e)

1.11. Quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù (mẫu số 3g)

1.12. Quyết định không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù (mẫu số 3h)

1.13. Quyết định miễn chấp hành hình phạt tù (mẫu số 3i)

1.14. Quyết định không chấp nhận miễn chấp hành hình phạt tù (mẫu số 3k)

1.15. Quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo (mẫu số 3l)

1.16. Quyết định không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách của án treo (mẫu số 3m)

1.17. Quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ (mẫu số 4)

1.18. Quyết định thi hành án hình phạt cấm cư trú (mẫu số 5)

1.19. Quyết định thi hành án hình phạt quản chế (mẫu số 6)

1.20. Quyết định ủy thác thi hành án hình sự (mẫu số 7)

1.21. Quyết định xóa án tích (mẫu số 8a)

1.22. Giấy chứng nhận xóa án tích (mẫu số 8b).

2. Mẫu văn bản tổ tụng ban hành kèm theo Nghị quyết này chỉ hướng dẫn về nội dung để Tòa án ban hành văn bản tổ tụng tương ứng trong quá trình giải quyết vụ án. Khi ban hành các văn bản tổ tụng cụ thể, Tòa án phải thực hiện đúng nội dung và hướng dẫn sử dụng mẫu ban hành kèm theo Nghị quyết, thực hiện đúng hướng dẫn tại Thông tư liên tịch số 55/2005/TTLT-BNV-VPCP ngày 06/5/2005 của Bộ Nội vụ, Văn phòng Chính phủ “hướng dẫn về thể thức và kỹ thuật trình bày văn bản”, như: văn bản phải được trình bày trên giấy khổ A4 (210 cm x 297 cm), về khổ chữ, về hình thức văn bản...

3. Trong quá trình sử dụng mẫu văn bản tổ tụng, nếu cần sửa đổi, bổ sung hoặc ban hành mẫu văn bản tổ tụng mới, thì báo cáo cho Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao giao cho Viện khoa học xét xử Tòa án nhân dân tối cao nghiên cứu, soạn thảo mẫu văn bản tố tụng sửa đổi, bổ sung hoặc mẫu văn bản tố tụng mới trình Chánh án Tòa án nhân dân tối cao ký ban hành.

## VI. HIỆU LỰC THI HÀNH

1. Nghị quyết này đã được Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao thông qua ngày 02 tháng 10 năm 2007 và có hiệu

lực thi hành sau mười lăm ngày, kể từ ngày đăng Công báo.

2. Trong quá trình thực hiện nếu có vướng mắc cần phải giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung thì đề nghị phản ánh cho Tòa án nhân dân tối cao để có sự giải thích hoặc hướng dẫn bổ sung kịp thời./.

TM. HỘI ĐỒNG THẨM PHÁN  
CHÁNH ÁN

Trương Hòa Bình

## Mẫu số 1a

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt tử hình

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257, 258 và 259 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào.....

Căn cứ vào Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm..... của Chủ tịch nước về việc bác đơn xin ân giảm án tử hình của.....<sup>(4)</sup>

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt tử hình về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(5)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa.....

Đối với người bị kết án.....<sup>(6)</sup> sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(7)</sup>

Con ông..... và bà.....

Hiện đang bị tạm giam (bị giam) tại Trại tạm giam (Trại giam).....

2. Thành lập Hội đồng thi hành án hình phạt tử hình gồm có:

Đại diện Tòa án.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

Đại diện Viện kiểm sát.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

Đại diện Công an.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

3. Giao cho Hội đồng thi hành án hình phạt tử hình tiến hành thi hành án đối với người bị kết án tử hình theo đúng quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người bị kết án;
- Công an.....;
- VKS.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 1a:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt tử hình (ví dụ: Số: 01/2007/QĐ-CA).

(3) Nếu thuộc trường hợp được hướng dẫn tại các điểm a và b tiêu mục 1.2 mục 1 Phần II Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 thì ghi “Quyết định không kháng nghị số..... ngày..... tháng..... năm..... của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao và Quyết định không kháng nghị số..... ngày..... tháng.... năm..... của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tối cao”; nếu thuộc trường hợp được hướng dẫn tại các điểm c và d tiêu mục 1.2 mục 1 Phần II Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 thì ghi “Quyết định số... ngày... tháng... năm... của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao không chấp nhận kháng nghị và giữ nguyên bản án tử hình số... ngày... tháng... năm... của Tòa... đối với...”.

(4) Nếu người bị kết án tử hình không làm đơn xin ân giảm án tử hình thì bỏ mục “Căn cứ...” này.

(5) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(6) Ghi đầy đủ họ, tên của người bị kết án.

(7) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

## Mẫu số 1b

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

## CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

## BIÊN BẢN

hoãn thi hành án hình phạt tử hình

Thi hành quyết định thi hành án hình phạt tử hình số..... ngày..... tháng..... năm..... của Chánh án Tòa án.....

Hôm nay ngày..... tháng..... năm....., Hội đồng thi hành án hình phạt tử hình gồm có:

Đại diện Tòa án.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

Đại diện Viện kiểm sát.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

Đại diện Công an.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

Tiến hành thi hành án hình phạt tử hình về tội (các tội).....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trong khi tiến hành các thủ tục cần thiết để thi hành án,

Xét thấy <sup>(1)</sup>.....

.....

Căn cứ vào Điều 259 của Bộ luật tố tụng hình sự, Hội đồng thi hành án hình phạt tử hình lập biên bản hoãn thi hành án hình phạt tử hình và báo cáo Chánh án Tòa án đã ra quyết định thi hành án hình phạt tử hình để báo cáo Chánh án Tòa án nhân dân tối cao xem xét, quyết định theo thẩm quyền.

Giao người bị kết án tử hình cho Trại tạm giam (Trại giam).....  
tiếp tục tạm giam theo quy định của pháp luật.

ĐẠI DIỆN CÔNG AN....

(Ký tên và ghi đầy  
đủ họ tên)

ĐẠI DIỆN

VIỆN KIỂM SÁT....

(Ký tên và ghi đầy đủ họ tên)

ĐẠI DIỆN TÒA ÁN.....

(Ký tên và ghi đầy  
đủ họ tên)

NGƯỜI BỊ KẾT ÁN TỬ HÌNH

(Ký tên và ghi đầy đủ họ tên  
hoặc điểm chỉ)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 1b:

(1) Ghi lý do của việc hoãn thi hành hình phạt tử hình (ví dụ: “người bị kết án tử hình là phụ nữ có thai hoặc đang nuôi con dưới ba mươi sáu tháng tuổi khi phạm tội hoặc khi xét xử” hoặc “có tình tiết đặc biệt quy định tại khoản 5 Điều 259 của Bộ luật tố tụng hình sự và được hướng dẫn tại tiêu mục 2.2 mục 2 Phần II Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao”).

Mẫu số 1c

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng ..... năm.....

BIÊN BẢN XÁC MINH
v/v làm đơn kháng cáo, xin ân giảm án tử hình
của người bị kết án tử hình (1)

Hôm nay, ngày..... tháng..... năm.....

Tại Trại tạm giam (Trại giam): .....

Chúng tôi gồm có:

1. Đại diện Tòa án.....: Ông (Bà).....

Chức vụ:.....

2. Đại diện Trại tạm giam (Trại giam.....): Ông (Bà) .....

Chức vụ:.....

3. Người làm chứng (nếu có).....

4. Người phiên dịch (nếu có) .....

Tiến hành xác minh về việc làm đơn kháng cáo, xin ân giảm án tử hình(2) của người bị kết án tử hình.....

Sau khi nghe đại diện Tòa án..... phổ biến các quy định của pháp luật đối với người bị kết án tử hình và hỏi về việc làm đơn kháng cáo, xin ân giảm án tử hình(4) của người bị kết án tử hình.

Người bị kết án tử hình trình bày như sau:(5)

.....

Sau khi nghe người bị kết án tử hình trình bày xong, chúng tôi thấy người bị kết án tử hình ..... (6)

C9634055

Việc xác minh kết thúc hồi..... giờ..... ngày..... tháng..... năm..... và biên bản xác minh được đọc cho những người tiến hành xác minh và người bị kết án từ hình cùng nghe.

ĐẠI DIỆN TRẠI TẠM GIAM  
(TRẠI GIAM).....  
(Ký tên, đóng dấu)

ĐẠI DIỆN TÒA ÁN.....  
(Ký tên)

NGƯỜI PHIÊN DỊCH (nếu có)  
(Ký tên)

NGƯỜI LÀM CHỨNG (nếu có)  
(Ký tên hoặc điền chỉ)

NGƯỜI BỊ KẾT ÁN TỬ HÌNH  
(Ký tên hoặc điền chỉ)

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 1c:

(1), (2) và (4) Nếu kết quả xác minh cho thấy người bị kết án tử hình có làm đơn kháng cáo hay muốn làm đơn kháng cáo thì bỏ các chữ “xin ân giảm án tử hình”; nếu người bị kết án tử hình có làm đơn xin ân giảm án tử hình hoặc muốn làm đơn xin ân giảm án tử hình thì bỏ các chữ “kháng cáo”.

(3) Ghi họ, tên người bị kết án tử hình. Nếu người bị kết án tử hình còn có tên gọi khác thì sau khi ghi họ, tên người bị kết án tử hình ghi tên gọi khác trong ngoặc đơn. Ví dụ: Nguyễn Văn Nam (Nam Sút, Tư Nam).

(4) Ghi đầy đủ lời trình bày của người bị kết án tử hình (cần ghi rõ lý do).

(6) Tùy kết quả xác minh mà ghi theo hướng dẫn tại một trong các điểm tương ứng tại tiểu mục 1.1 mục 1 Phần II Nghị quyết số 02/HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao.

Ví dụ 1: Sau khi nghe người bị kết án tử hình trình bày xong chúng tôi thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo trong thời hạn kháng cáo, nhưng nay muốn làm đơn kháng cáo. Vì vậy chúng tôi cho người bị kết án tử hình làm đơn kháng cáo và yêu cầu họ nêu rõ lý do của việc kháng cáo quá hạn (có đơn kháng cáo kèm theo).

Ví dụ 2: Sau khi nghe người bị kết án tử hình trình bày xong chúng tôi thấy người bị kết án tử hình không làm đơn kháng cáo, đơn xin ân giảm án tử hình và nay cũng không làm đơn kháng cáo, đơn xin ân giảm án tử hình.



## Mẫu số 2

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt tù chung thân

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256 và 257 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 2 của Pháp lệnh thi hành án phạt tù,

## QUYẾT ĐỊNH:

- Thi hành án hình phạt tù chung thân về tội (các tội) .....  
 Tại bản án hình sự.....<sup>(3)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
 của Tòa.....  
 Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....  
 Trú tại:.....<sup>(4)</sup>  
 Con ông..... và bà.....  
 Hiện đang bị tạm giam (bị giam) tại Trại tạm giam (Trại giam).....  
 Thời điểm bắt đầu chấp hành hình phạt tù chung thân là ngày..... tháng.....  
 năm.....<sup>(5)</sup>
- Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam)..... thi

hành quyết định này và thông báo cho gia đình người bị kết án biết nơi người đó chấp hành hình phạt tù chung thân.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người bị kết án;
- Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam).....;  
(kèm theo bản sao bản án);
- VKS.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 2:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt tù chung thân (ví dụ: Số: 02/2007/QĐ-CA).
- (3) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.
- (4) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.
- (5) Ghi ngày bị tạm giữ nếu sau khi hết thời hạn tạm giữ thì tiếp tục bị tạm giam; ghi ngày bị bắt tạm giam nếu bị bắt tạm giam và đang bị tạm giam; ghi ngày bị bắt tạm giam sau cùng, nếu trước đó bị tạm giữ, bị tạm giam, nhưng sau đó được tại ngoại hoặc bỏ trốn và sau đó ghi: “(đã bị tạm giữ, bị tạm giam là...)” để tính thời gian đã chấp hành hình phạt làm căn cứ cho việc giảm xuống ba mươi năm tù.

## Mẫu số 3a

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc  
Số:...../...../QĐ-CA(2)

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt tù  
(đối với người bị xử phạt tù đang bị tạm giam)

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257 và 260 của Bộ luật tố tụng hình sự;  
Căn cứ vào Điều 2 của Pháp lệnh thi hành án phạt tù,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt.....<sup>(3)</sup> tù về tội (các tội) .....
- Tại bản án hình sự.....<sup>(4)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....
- Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....
- Trú tại:.....<sup>(5)</sup>
- Con ông..... và bà .....
- Hiện đang bị tạm giam (bị giam) tại Trại tạm giam (Trại giam) .....
2. Ban giám thị Trại tạm giam (Trại giam).....

thi hành quyết định này và thông báo cho gia đình người bị kết án biết nơi người đó chấp hành hình phạt tù.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Ban giám thị Trại tạm giam....., Trại giam ...  
(02 bản để giao cho người bị kết án 01 bản  
(kèm theo bản sao bản án);
- VKS.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3a:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt tù (ví dụ: Số: 03/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(4) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(5) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Mẫu số 3b

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA(2)

....., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt tù

(đối với người bị xử phạt tù đang được tại ngoại)

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257 và 260 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Điều 2 của Pháp lệnh thi hành án phạt tù,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt.....<sup>(3)</sup> tù về tội (các tội) .....

Tại bản án hình sự.....<sup>(4)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại.....<sup>(5)</sup>

Con ông..... và bà .....

Hiện đang được tại ngoại.

2. Trong thời hạn bảy ngày kể từ ngày nhận được quyết định này, người bị kết án phải có mặt tại cơ quan Công an.....<sup>(6)</sup> để chấp hành án. Nếu quá thời hạn trên mà không có mặt tại cơ quan Công an để chấp hành án, thì người bị kết án sẽ bị áp giải đến Trại giam để chấp hành án.

09634055

3. Công an.....<sup>(7)</sup> thi hành quyết định này và thông báo bằng văn bản cho Tòa án..... biết kết quả.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Công an.....  
(kèm theo bản sao bản án);
- VKS.....;
- Người bị kết án;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3b:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt tù (ví dụ: Số: 04/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(4) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(5) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(6) và (7) Ghi tên cơ quan Công an có trách nhiệm đưa người bị kết án đi chấp hành án.

## Mẫu số 3c

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257 và 264 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ “Quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo”,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt.....<sup>(3)</sup> tù cho hưởng án treo với thời gian thử thách là.....<sup>(4)</sup>, kể từ ngày..... tháng..... năm.....<sup>(5)</sup> về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(6)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại.....<sup>(7)</sup>

Con ông..... và bà.....

2. Giao người bị kết án cho.....<sup>(8)</sup> giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành thời gian thử thách chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho

Tòa án đã ra quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người bị kết án;

- .....; <sup>(9)</sup>

- VKS.....;

- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3c:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt tù cho hưởng án treo (ví dụ: Số: 05/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi mức hình phạt tù được hưởng án treo theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(4) Ghi thời gian thử thách theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “04 (bốn) năm”).

(5) Ghi theo ngày, tháng, năm được xác định trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(6) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(7) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(8) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức hoặc tên xã, phường, thị trấn; tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giám sát, giáo dục người bị phạt tù cho hưởng án treo.

(9) Ghi tên cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị xử phạt tù được hưởng án treo, sau đó ghi “(kèm theo bản sao bản án)”. Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường H, quận Đ, thành phố H (kèm theo bản sao bản án).



Mẫu số 3d

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

### QUYẾT ĐỊNH

hoãn chấp hành hình phạt tù

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

### NHẬN THẤY:

Sau khi ra quyết định thi hành án hình phạt tù số..... ngày..... tháng..... năm.....  
Đối với người bị kết án.....<sup>(3)</sup> hiện đang được tại ngoại.

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(4)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù,

### XÉT THẤY:

Việc đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án là.....<sup>(5)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 7 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị kết án có đầy đủ các điều kiện được hoãn chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào khoản 1 Điều 261 và Điều 263 của Bộ luật tố tụng hình sự,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Cho người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(6)</sup>

09634055

Con ông..... và bà .....

Được hoãn chấp hành hình phạt.....<sup>(7)</sup> tù về tội (các tội) .....

Tại bản án hình sự.....<sup>(8)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm ....  
của Tòa.....

2. Thời hạn người bị kết án được hoãn chấp hành hình phạt tù....., kể từ ngày ký quyết định này.

3. Giao người bị kết án cho.....<sup>(9)</sup> quản lý trong thời gian được hoãn chấp hành hình phạt tù.

Nơi nhận:

- Người bị kết án;
- Công an.....;
- VKS.....;
- Tòa án.....;
- Ủy ban nhân dân.....;
- Lưu hồ sơ THA.

CHÁNH ÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3d:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định hoãn chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Số: 06/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi thời hạn mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(4) Ghi ngày, tháng, năm Viện kiểm sát, cơ quan công an cùng cấp, người bị kết án hoặc người thân thích của người bị kết án đề nghị bằng văn bản cho hoãn chấp hành hình phạt tù; nếu là Viện kiểm sát hoặc cơ quan công an đề nghị thì ghi cả số văn bản đề nghị đó (ví dụ: Ngày 04 tháng 9 năm 2007 Viện kiểm sát nhân dân thị xã S, tỉnh H có văn bản số 15/... đề nghị cho người bị kết án hoãn chấp hành hình phạt tù hoặc Ngày 11 tháng 10 năm 2007 người bị kết án có đơn xin hoãn chấp hành hình phạt tù).

(5) Ghi lý do đề nghị hoãn chấp hành hình phạt tù (ví dụ: đang nuôi con dưới 36 tháng tuổi, phạm tội lần đầu và sau khi bị xử phạt tù không có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng).

(6) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(7) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(8) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(9) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức hoặc tên xã, phường, thị trấn; tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý người được hoãn chấp hành hình phạt tù.

Mẫu số 3đ

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup>

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúcSố:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

**QUYẾT ĐỊNH**

tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

**NHẬN THẤY:**

Người bị kết án..... đang chấp hành hình phạt  
tù tại Trại giam (Trại tạm giam).....

Ngày..... tháng..... năm .....<sup>(3)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù,

**XÉT THẤY:**

Việc đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù với lý do người bị kết án  
là .....<sup>(4)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 8 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị kết án có đầy đủ các  
điều kiện được hoãn chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào Điều 262 và Điều 263 của Bộ luật tố tụng hình sự,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Cho người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(5)</sup>

Con ông..... và bà .....

096644055

Được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt.....<sup>(6)</sup> tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(7)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

2. Thời hạn người bị kết án được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù....., kể từ ngày ký quyết định này.

3. Giao người bị kết án cho Ủy ban nhân dân.....<sup>(8)</sup> quản lý trong thời gian được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam).....  
(02 bản để giao cho người bị kết án 01 bản);
- VKS.....;
- TA.....;
- UBND.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3đ:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Số: 07/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù của Viện kiểm sát cùng cấp hoặc của Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam) nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Ngày 06 tháng 9 năm 2007 Viện kiểm sát nhân dân thành phố H có văn bản số 16/... đề nghị cho người bị kết án tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù).

(4) Ghi lý do đề nghị tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù (ví dụ: bị bệnh nặng).

(5) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(6) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(7) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(8) Ghi đầy đủ tên xã, phường, thị trấn; tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm quản lý người được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù.

## Mẫu số 3e

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt tù  
 (đối với người bị xử phạt tù được hoãn, tạm đình chỉ<sup>(3)</sup>  
 chấp hành hình phạt tù vi phạm pháp luật)

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

## NHẬN THẤY:

Tại Quyết định số..... ngày..... tháng..... năm....., Chánh án Tòa án.....  
 quyết định cho người bị kết án..... được hoãn, tạm đình chỉ<sup>(4)</sup>  
 chấp hành hình phạt tù với thời hạn....., kể từ ngày..... tháng..... năm.....

Trong thời gian được hoãn, tạm đình chỉ<sup>(5)</sup> chấp hành hình phạt tù,.....<sup>(6)</sup>

## XÉT THẤY:

Việc bắt người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù là cần thiết;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 263 của Bộ luật tố tụng hình sự,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Hủy quyết định hoãn, tạm đình chỉ<sup>(7)</sup> chấp hành hình phạt tù số..... ngày..... tháng..... năm....., Chánh án Tòa án.....
2. Thi hành án hình phạt.....<sup>(8)</sup> tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(9)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(10)</sup>

Con ông..... và bà.....

3. Ngay sau khi nhận được quyết định này, Công an..... có trách nhiệm tổ chức bắt, áp giải người bị kết án đi chấp hành hình phạt tù và thông báo bằng văn bản cho Tòa án..... biết kết quả.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Công an..... (02 bản để giao cho người bị kết án 01 bản);
- VKS.....;
- UBND.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3e:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt tù (ví dụ: Số: 08/2007/QĐ-CA).

(3), (4), (5) và (7) Nếu thuộc trường hợp hoãn thì bỏ ba chữ “tạm đình chỉ”; nếu thuộc trường hợp tạm đình chỉ thì bỏ chữ “hoãn”.

(6) Tùy từng trường hợp vi phạm pháp luật của người bị kết án mà ghi: “người bị kết án đã có hành vi vi phạm pháp luật nghiêm trọng” hoặc “có căn cứ cho rằng người bị kết án bỏ trốn”.

(8) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(9) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(10) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Mẫu số 3g

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-TA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù

TÒA ÁN.....

Với Hội đồng xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán:

Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....<sup>(3)</sup>

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) ..... Kiểm sát viên.

## NHẬN THẤY:

Người bị kết án..... đang chấp hành hình phạt tù  
tại Trại giam (Trại tạm giam).....

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(4)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối  
với người bị kết án.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,



**XÉT THẤY:**

Việc đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù với lý do là.....  
.....<sup>(5)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 3<sup>(6)</sup> Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị kết án có đủ các điều kiện được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào Điều 58<sup>(7)</sup> của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1.....<sup>(8)</sup> đề nghị của Trại giam (Trại tạm giam)..... về việc  
đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án.

2. Giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù là.....<sup>(9)</sup>

Cho người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(10)</sup>

Con ông..... và bà.....

Bị kết án.....<sup>(11)</sup> tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(12)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

3. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam)..... thi hành Quyết định này và thông báo cho người bị kết án biết.

Nơi nhận:

- Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam).....  
(02 bản để giao cho người bị kết án  
01 bản);
- Công an.....;
- VKS.....;
- .....
- Lưu hồ sơ THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT GIẢM THỜI HẠN  
CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3g:

- (1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.
- (2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Số: 09/2007/QĐ-TA).
- (3) Trường hợp Hội đồng xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù gồm có hai Thẩm phán và một Hội thẩm thì ghi Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, ghi Thẩm phán: Ông (Bà)..., Hội thẩm: Ông (Bà)....
- (4) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam) nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Ngày 06 tháng 9 năm 2007 Ban giám thị Trại giam T có Văn bản số 17/... đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án).
- (5) Ghi lý do đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù.
- (6) Ghi thêm “mục 4” hoặc “mục 5”, nếu lý do giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều 59 hoặc Điều 76 của Bộ luật hình sự.
- (7) Ghi thêm “Điều 59” hoặc “Điều 76”, nếu lý do giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều 59 hoặc Điều 76 của Bộ luật hình sự.
- (8) Ghi “Chấp nhận” nếu chấp nhận toàn bộ đề nghị của Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam); ghi “Chấp nhận một phần” nếu chấp nhận một phần đề nghị của Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam).
- (9) Ghi thời hạn chấp hành hình phạt tù được giảm (ghi cả số và chữ, ví dụ: “06 (sáu) tháng”).
- (10) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.
- (11) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).
- (12) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

Mẫu số 3h

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-TA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

### QUYẾT ĐỊNH

không chấp nhận giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù

TÒA ÁN.....

Với Hội đồng xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán:

Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....<sup>(3)</sup>

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) ..... Kiểm sát viên.

### NHẬN THẤY:

Người bị kết án..... đang chấp hành hình phạt tù  
tại Trại giam (Trại tạm giam).....

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(4)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

## XÉT THẤY:

Việc đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù với lý do là.....  
.....<sup>(5)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 3<sup>(6)</sup> Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị kết án không có đủ các điều kiện được giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào Điều 58<sup>(7)</sup> của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đề nghị của Trại giam (Trại tạm giam)..... về việc đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(8)</sup>

Con ông..... và bà .....

Bị kết án.....<sup>(9)</sup> tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(10)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa .....

2. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

3. Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam)..... thi hành Quyết định này và thông báo cho người bị kết án biết.

Nơi nhận:

- Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam).....  
(02 bản để giao cho người bị kết án 01 bản);
- Công an.....;
- VKS.....;
- .....
- Lưu hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT GIẢM THỜI HẠN  
CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT TÙ  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỢP

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3h:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định không chấp hành giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Số: 10/2007/QĐ-TA).

(3) Trường hợp Hội đồng xét giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù gồm có hai Thẩm phán và một Hội thẩm thì ghi Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, ghi Thẩm phán: Ông (Bà)...., Hội thẩm: Ông (Bà)....

(4) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù của Ban giám thị Trại giam (Trại tạm giam) nơi người bị kết án đang chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Ngày 06 tháng 9 năm 2007 Ban giám thị Trại giam T có văn bản số 17/... đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án).

(5) Ghi lý do đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù.

(6) Ghi thêm “mục 4” hoặc “mục 5”, nếu lý do đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều 59 hoặc Điều 76 của Bộ luật hình sự.

(7) Ghi thêm “Điều 59” hoặc “Điều 76”, nếu lý do đề nghị giảm thời hạn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều 59 hoặc Điều 76 của Bộ luật hình sự.

(8) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(9) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(10) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

## Mẫu số 3i

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-TA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH  
 miễn chấp hành hình phạt tù

TÒA ÁN.....

Với Hội đồng xét miễn chấp hành hình phạt tù gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán:

Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....<sup>(3)</sup>

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) .....Kiểm sát viên.

NHẬN THẤY:

Người bị kết án..... đang.....<sup>(4)</sup>

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(5)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

**XÉT THẤY:**

Việc đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù với lý do là.....  
.....<sup>(6)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 2<sup>(7)</sup> Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị kết án có đủ các điều kiện được miễn chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào Điều 57<sup>(8)</sup> của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1.....<sup>(9)</sup> đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát..... về việc miễn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án.

2. Miễn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(10)</sup>

Con ông..... và bà.....

Bị kết án.....<sup>(11)</sup> tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(12)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa.....

3. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người bị kết án;
- VKS.....;
- .....
- Công an.....;
- Lưu hồ sơ THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT MIỄN  
CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

09634055

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3i:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định miễn chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Số: 11/2007/QĐ-TA).

(3) Trường hợp Hội đồng xét miễn chấp hành hình phạt tù gồm có hai Thẩm phán và một Hội thẩm thì ghi Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, ghi Thẩm phán: Ông (Bà)..., Hội thẩm: Ông (Bà)....

(4) Ghi “được hoãn chấp hành hình phạt tù” nếu người bị kết án đang được hoãn chấp hành hình phạt tù; ghi “được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù” nếu người bị kết án đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; ghi “tại ngoại” nếu người bị kết án phạt tù chưa chấp hành hình phạt tù.

(5) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù của Viện kiểm sát cùng cấp (ví dụ: Ngày 05 tháng 9 năm 2007 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có văn bản số 19/... đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án).

(6) Ghi lý do đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù.

(7) Ghi thêm “mục 5”, nếu lý do miễn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều 76 của Bộ luật hình sự.

(8) Ghi thêm Điều 76, nếu lý do miễn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều luật này.

(9) Ghi “Chấp nhận” nếu chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát; ghi “Chấp nhận một phần” nếu chấp nhận một phần đề nghị của Viện kiểm sát; ghi “Không chấp nhận” nếu không chấp nhận toàn bộ đề nghị của Viện kiểm sát.

(10) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(11) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(12) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

Chú ý: Trong trường hợp miễn chấp hành hình phạt tù còn lại thì sau các chữ “miễn chấp hành hình phạt tù” ghi thêm hai chữ “còn lại”.



Mẫu số 3k

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-TA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

### QUYẾT ĐỊNH

không chấp nhận miễn chấp hành hình phạt tù

TÒA ÁN.....

Với Hội đồng xét miễn chấp hành hình phạt tù gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán:

Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....<sup>(3)</sup>

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) ..... Kiểm sát viên.

### NHẬN THẤY:

Người bị kết án..... đang.....<sup>(4)</sup>

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(5)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét miễn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án.

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

**XÉT THẤY:**

Việc đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù với lý do là.....

.....<sup>(6)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 2<sup>(7)</sup> Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02-10-2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị kết án không có đủ các điều kiện được miễn chấp hành hình phạt tù.

Căn cứ vào Điều 57<sup>(8)</sup> của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 1 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự,

**QUYẾT ĐỊNH:**

1. Không chấp nhận đề nghị của Viện trưởng Viện kiểm sát..... về việc miễn chấp hành hình phạt tù đối với người bị kết án.....  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....

Con ông..... và bà.....

Bị kết án.....<sup>(10)</sup> tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(11)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

2. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người bị kết án;
- VKS.....;
- .....
- Công an.....;
- Lưu hồ sơ THA.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT MIỄN  
CHẤP HÀNH HÌNH PHẠT  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP**

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3k:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định.

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định không chấp nhận miễn chấp hành hình phạt tù (ví dụ: Số: 12/2007/QĐ-TA).

(3) Trường hợp Hội đồng xét miễn chấp hành hình phạt tù gồm có hai Thẩm phán và một Hội thẩm thì ghi Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, ghi Thẩm phán: Ông (Bà)..., Hội thẩm: Ông (Bà)....

(4) Ghi “được hoãn chấp hành hình phạt tù” nếu người bị kết án đang được hoãn chấp hành hình phạt tù; ghi “được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù” nếu người bị kết án đang được tạm đình chỉ chấp hành hình phạt tù; ghi “tại ngoại” nếu người bị kết án phạt tù chưa chấp hành hình phạt tù.

(5) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù của Viện kiểm sát cùng cấp (ví dụ: Ngày 05 tháng 9 năm 2007 Viện kiểm sát nhân dân tỉnh B có văn bản số 19/... đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù cho người bị kết án).

(6) Ghi lý do đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù.

(7) Ghi thêm “mục 5”, nếu lý do đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều 76 của Bộ luật hình sự.

(8) Ghi thêm Điều 76, nếu lý do đề nghị miễn chấp hành hình phạt tù thuộc trường hợp quy định tại Điều luật này.

(9) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(10) Ghi mức hình phạt tù mà người bị kết án phạt tù phải chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm”).

(11) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

Chú ý: Trong trường hợp miễn chấp hành hình phạt tù còn lại thì sau các chữ “miễn chấp hành hình phạt tù” ghi thêm hai chữ “còn lại”.

Mẫu số 31

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-TA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

rút ngắn thời gian thử thách của án treo

TÒA ÁN.....

Với Hội đồng xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán:

Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....<sup>(3)</sup>

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) ..... Kiểm sát viên.

## NHẬN THẤY:

Người bị xử phạt tù được hưởng án treo đang chịu thử thách tại.....

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(4)</sup>

Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo đối với người bị xử phạt tù được hưởng án treo.....

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

## XÉT THẤY:

Việc đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo với lý do là .....  
 .....<sup>(5)</sup>;

Theo hướng dẫn tại mục 6 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị xử phạt tù được hưởng án treo có đủ điều kiện để được rút ngắn thời gian thử thách.

Căn cứ vào Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ “Quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo”,

## QUYẾT ĐỊNH:

1.....<sup>(6)</sup> đề nghị của..... về việc  
 rút ngắn thời gian thử thách của án treo.

2. Rút ngắn thời gian thử thách của án treo là .....

Cho người bị xử phạt tù được hưởng án treo.....  
 sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(8)</sup>

Con ông..... và bà .....

Bị xử phạt.....<sup>(9)</sup> tù về tội (các tội)..... nhưng được hưởng án treo  
 với thời gian thử thách là .....

Tại bản án hình sự.....<sup>(11)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
 của Tòa.....

3. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người được hưởng án treo;
- .....<sup>(12)</sup>;
- VKS.....;
- .....;
- Lưu hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT RÚT NGẮN THỜI  
 GIAN THỬ THÁCH CỦA ÁN TREG  
 THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 31:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định rút ngắn thời gian thử thách của án treo (ví dụ: Số: 13/2007/QĐ-TA).

(3) Trường hợp Hội đồng xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo gồm có hai Thẩm phán và một Hội thẩm thì ghi Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, ghi Thẩm phán: Ông (Bà)..., Hội thẩm: Ông (Bà)....

(4) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo của cơ quan, tổ chức giám sát, giáo người được hưởng án treo (ví dụ: Ngày 05 tháng 9 năm 2007 Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh H có Văn bản số 18/... đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo).

(5) Ghi lý do đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo.

(6) Ghi “Chấp nhận” nếu chấp nhận toàn bộ đề nghị của cơ quan, tổ chức; ghi “Chấp nhận một phần” nếu chấp nhận một phần đề nghị của cơ quan, tổ chức; ghi “Không chấp nhận” nếu không chấp nhận toàn bộ đề nghị của cơ quan, tổ chức.

(7) Ghi thời thử thách được giảm (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) tháng”).

(8) Ghi nơi cư trú (nơi thường trú và nơi tạm trú).

(9) Ghi thời hạn hình phạt tù được hưởng án treo theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(10) Ghi thời gian thử thách theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “04 (bốn) năm”).

(11) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(12) Ghi tên cơ quan, tổ chức đề nghị rút ngắn thời gian thử thách.

Mẫu số 3m

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-TA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách của án treo

TÒA ÁN.....

Với Hội đồng xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp: Ông (Bà) .....

Các Thẩm phán:

Ông (Bà) .....

Ông (Bà) .....<sup>(3)</sup>

Đại diện Viện kiểm sát..... tham gia phiên họp:

Ông (Bà) ..... Kiểm sát viên.

## NHẬN THẤY:

Người bị xử phạt tù được hưởng án treo đang chịu thử thách tại.....

Ngày..... tháng..... năm.....<sup>(4)</sup>Sau khi nghiên cứu hồ sơ đề nghị xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo đối  
với người bị xử phạt tù được hưởng án treo.....

Sau khi nghe đại diện Viện kiểm sát phát biểu ý kiến,

## XÉT THẤY:

Việc đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo với lý do là .....  
..... (5);

Theo hướng dẫn tại mục 6 Nghị quyết số 01/2007/NQ-HĐTP ngày 02/10/2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, thì người bị xử phạt tù được hưởng án treo không có đủ điều kiện để được rút ngắn thời gian thử thách.

Căn cứ vào Điều 60 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào khoản 2 Điều 268 và Điều 269 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị định số 61/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ “Quy định việc thi hành hình phạt tù cho hưởng án treo”,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Không chấp nhận đề nghị của.....  
về việc rút ngắn thời gian thử thách của án treo đối với người bị xử phạt tù được hưởng án treo.....  
sinh ngày..... tháng..... năm..... (6)

Trú tại:..... (6)

Con ông..... và bà .....

Bị xử phạt.....<sup>(7)</sup> tù về tội (các tội)..... nhưng được hưởng án treo với thời gian thử thách là ..... (8)

Tại bản án hình sự.....<sup>(9)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa .....

2. Quyết định này có hiệu lực sau mười lăm ngày, kể từ ngày ra quyết định trong trường hợp Viện kiểm sát không có kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:

- Người được hưởng án treo;
- .....<sup>(10)</sup>;
- VKS.....;
- .....;
- Lưu hồ sơ THA.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT RÚT NGẮN  
THỜI GIAN THỬ THÁCH CỦA ÁN TREO  
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN HỌP



Hướng dẫn sử dụng mẫu số 3m:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định không chấp nhận rút ngắn thời gian thử thách của án treo (ví dụ: Số: 14/2007/QĐ-TA).

(3) Trường hợp Hội đồng xét rút ngắn thời gian thử thách của án treo gồm có hai Thẩm phán và một Hội thẩm thì ghi Thẩm phán - Chủ tọa phiên họp, ghi Thẩm phán: Ông (Bà)..., Hội thẩm: Ông (Bà)....

(4) Ghi ngày, tháng, năm, số văn bản đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo của cơ quan, tổ chức giám sát, giáo người được hưởng án treo (ví dụ: Ngày 05 tháng 9 năm 2007 Ủy ban nhân dân xã T, huyện B, tỉnh H có văn bản số 18/... đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo).

(5) Ghi lý do đề nghị rút ngắn thời gian thử thách của án treo.

(6) Ghi nơi cư trú (nơi thường trú và nơi tạm trú).

(7) Ghi thời hạn hình phạt tù được hưởng án treo theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(8) Ghi thời gian thử thách theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “04 (bốn) năm”).

(9) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(10) Ghi tên cơ quan, tổ chức đề nghị rút ngắn thời gian thử thách.

## Mẫu số 4

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257 và 264 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị định số 60/2000/NĐ-CP ngày 30/10/2000 của Chính phủ “Quy định việc thi hành hình phạt cải tạo không giam giữ”,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt.....<sup>(3)</sup> cải tạo không giam giữ, kể từ ngày..... tháng..... năm.....<sup>(4)</sup> về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(5)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(6)</sup>

Con ông..... và bà.....

2. Giao người bị kết án cho.....<sup>(7)</sup> giám sát, giáo dục.

Trong trường hợp người bị kết án đang chấp hành hình phạt chuyển đi nơi khác thì cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục có trách nhiệm thông báo ngay cho Tòa án đã ra

quyết định thi hành án kèm theo hồ sơ của người đó để Tòa án làm thủ tục cần thiết giao cho cơ quan, tổ chức nơi người đó chuyển đến tiếp tục giám sát, giáo dục.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người bị kết án;

- .....<sup>(8)</sup>;

- VKS.....;

- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 4:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt cải tạo không giam giữ (ví dụ: Số: 15/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi thời hạn hình phạt cải tạo không giam giữ theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(4) Ghi theo ngày, tháng, năm được xác định trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành. Nếu trong bản án đó không xác định ngày, tháng, năm thì ghi: “kể từ ngày cơ quan, tổ chức giám sát, giáo dục người đó nhận được quyết định này và bản sao bản án”.

(5) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(6) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(7) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức hoặc tên xã, phường, thị trấn; tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương có trách nhiệm giám sát, giáo dục người bị phạt cải tạo không giam giữ.

(8) Ghi tên cơ quan, tổ chức được giao giám sát, giáo dục người bị kết án, sau đó ghi “(kèm theo bản sao bản án)”. Ví dụ: Ủy ban nhân dân phường X, quận Y, thành phố C (kèm theo bản sao bản án).

## Mẫu số 5

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

## QUYẾT ĐỊNH

thi hành án hình phạt cấm cư trú

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257 và 266 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ “Hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế”,

## QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt bổ sung cấm cư trú là .....<sup>(3)</sup> tại.....<sup>(4)</sup>,  
 kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(5)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
 của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(6)</sup>

Con ông..... và bà.....

2. Người bị kết án phải trình diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi được đến cư trú và xuất trình quyết định này, giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù, bản nhận xét về kết quả chấp hành án phạt tù của Trại giam.

3. Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi người bị kết án đến cư trú có trách nhiệm phối hợp với Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên của Mặt trận cùng cấp quản lý chặt chẽ, giám sát, giáo dục, tạo điều kiện giúp đỡ người bị kết án làm ăn, sinh sống, ngăn chặn không để họ tiếp tục vi phạm pháp luật và thi hành nghiêm chỉnh bản án của Tòa án.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người bị kết án;
- VKS.....;
- Lưu hồ sơ.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 5:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt cấm cư trú (ví dụ: Số: 16/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi thời hạn cấm cư trú theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(4) Ghi đầy đủ tên xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người bị kết án bị cấm cư trú theo bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(5) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(6) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

## Mẫu số 6

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup>

....., ngày..... tháng ..... năm.....

QUYẾT ĐỊNH  
thi hành án hình phạt quản chế

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào các điều 255, 256, 257 và 266 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Căn cứ vào Nghị định số 53/2001/NĐ-CP ngày 23/8/2001 của Chính phủ “Hướng dẫn thi hành các hình phạt cấm cư trú và quản chế”,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Thi hành án hình phạt bổ sung quản chế là.....<sup>(3)</sup> tại.....<sup>(4)</sup>,  
kể từ ngày chấp hành xong hình phạt tù về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(5)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(6)</sup>

Con ông..... và bà.....

2. Người bị kết án phải đến địa phương là nơi quản chế ngay sau khi chấp hành xong hình phạt tù và trình diện Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn nơi quản chế; xuất trình quyết định này và giấy chứng nhận đã chấp hành xong hình phạt tù.

3. Ủy ban nhân dân.....<sup>(7)</sup> thi hành quyết định này.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người bị kết án;
- UBND.....;
- VKS.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 6:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định thi hành án hình phạt quản chế (ví dụ: Số: 17/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi thời hạn quản chế theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “02 (hai) năm”).

(4) Ghi đầy đủ tên xã, phường, thị trấn; huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người bị kết án bị quản chế theo bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(5) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(6) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

(7) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của Ủy ban nhân dân xã, phường, thị trấn; tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi quản chế.

Mẫu số 7

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

### QUYẾT ĐỊNH

Ủy thác thi hành án hình sự

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Căn cứ vào Điều 256 của Bộ luật tố tụng hình sự;

Xét thấy người bị kết án đang cư trú tại.....<sup>(3)</sup>

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Ủy thác cho Tòa án..... ra quyết định thi hành án  
hình phạt.....<sup>(4)</sup> về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(5)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

Đối với người bị kết án..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(6)</sup>

Con ông..... và bà.....

2. Gửi kèm theo quyết định này có bản án hình sự.....<sup>(7)</sup>  
số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa.....

Nơi nhận:

- Tòa án thực hiện việc Ủy thác;
- VKS.....;
- Người bị kết án;
- Lưu hồ sơ THA.

CHÁNH ÁN



Hướng dẫn sử dụng mẫu số 7:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định Ủy thác thi hành án hình sự (ví dụ: Số: 18/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi rõ địa chỉ người bị kết án đang cư trú.

(4) Ghi loại hình phạt và mức hình phạt theo bản án của Tòa án (ví dụ: 03 (ba) năm tù).

(5) và (7) Bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

(6) Ghi theo địa chỉ trong bản án có hiệu lực pháp luật được thi hành.

Mẫu số 8a

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007  
của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA Án.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../QĐ-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

### QUYẾT ĐỊNH

xóa án tích

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

### NHẬN THẤY:

Ngày..... tháng..... năm..... ông (bà)..... có đơn xin xóa án tích;

Sau khi xem xét nhận xét của.....<sup>(3)</sup>

Sau khi xem xét ý kiến của Viện kiểm sát..... tại Văn bản số.....  
ngày..... tháng..... năm.....

### XÉT THẤY:

Ông (bà):..... có đủ điều kiện được xóa án tích;

Căn cứ vào Điều 63 và Điều 65 của Bộ luật hình sự;

Căn cứ vào Điều 271 của Bộ luật tố tụng hình sự,

### QUYẾT ĐỊNH:

1. Xóa án tích cho ông (bà).....  
sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(4)</sup>

Con ông..... và bà.....

Bị kết án.....<sup>(5)</sup> về tội..... tại bản án hình sự.....<sup>(6)</sup>  
số..... ngày..... tháng..... năm..... của Tòa.....

2. Kể từ ngày ký quyết định này ông (bà) ..... coi như chưa bị kết án.

Nơi nhận:

CHÁNH ÁN

- Người được xóa án;
- VKS.....;
- Lưu hồ sơ THA.

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 8a:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định xóa án tích (ví dụ: Số: 19/2007/QĐ-CA).

(3) Ghi đầy đủ tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức nơi người xin xóa án tích làm việc hoặc tên xã, phường, thị trấn; tên huyện, thị xã, thành phố thuộc tỉnh; tên tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương nơi người xin xóa án tích cư trú.

(4) Ghi nơi cư trú (nơi thường trú và nơi tạm trú).

(5) Ghi mức hình phạt mà người bị kết án đã chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm tù”).

(6) Bản án có hiệu lực pháp luật đã được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.

## Mẫu số 8b

(ban hành kèm theo Nghị quyết số 02/2007/NQ-HĐTP ngày 02 tháng 10 năm 2007 của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao)

TÒA ÁN.....<sup>(1)</sup> CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM  
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:...../...../GCN-CA<sup>(2)</sup> ....., ngày..... tháng ..... năm.....

## GIẤY CHỨNG NHẬN XÓA ÁN TÍCH

CHÁNH ÁN TÒA ÁN.....

Chứng nhận ông (bà):..... sinh ngày..... tháng..... năm.....

Trú tại:.....<sup>(3)</sup>

Đã bị kết án.....<sup>(4)</sup> về tội (các tội).....

Tại bản án hình sự.....<sup>(5)</sup> số..... ngày..... tháng..... năm.....  
của Tòa.....

Theo quy định tại các điều 63, 64 và 67 của Bộ luật hình sự và Điều 270 của Bộ luật tố tụng hình sự, ông (bà)..... đương nhiên được xóa án tích và được coi như chưa bị kết án.

Nơi nhận:

- Người được xóa án tích;
- Lưu hồ sơ THA.

CHÁNH ÁN

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 8b:

(1) Ghi tên Tòa án ra quyết định; nếu là Tòa án nhân dân cấp huyện cần ghi tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (Tòa án nhân dân quận B, thành phố H); nếu là Tòa án quân sự khu vực cần ghi thêm quân khu (Tòa án quân sự khu vực 1, quân khu 4).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ban hành giấy chứng nhận xóa án tích (ví dụ: Số: 20/2007/GCN-CA).

(3) Ghi nơi cư trú (nơi thường trú và nơi tạm trú).

(4) Ghi loại hình phạt và mức phạt mà người bị kết án đã chấp hành theo bản án của Tòa án (ghi cả số và chữ, ví dụ: “03 (ba) năm tù”).

(5) Bản án có hiệu lực pháp luật đã được thi hành là bản án hình sự sơ thẩm thì ghi “sơ thẩm”; nếu là bản án hình sự phúc thẩm thì ghi “phúc thẩm”.